

Bản án số: 68/2022/HC-PT  
Ngày: 18/01/2022  
V/v: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết  
khiếu nại về bảo hiểm xã hội*”

**FDVN LAW FIRM**

Tài liệu nghiệp vụ

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Phan Thanh Tùng

*Các Thẩm phán:* ông Đặng Văn Ý

ông Phạm Văn Công

*Thư ký phiên tòa:* ông Lê Văn Duân, Thư ký Tòa án

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Thanh Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 622/2020/TLPT-HC ngày 19/11/2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về bảo hiểm xã hội*”;

Do bản án hành chính sơ thẩm số 13/2020/HC-ST ngày 03/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2851/2022/QĐ-PT ngày 14/12/2021, giữa các đương sự:

*Người khởi kiện:*

Ông Nguyễn Công N, sinh năm 1946 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C L, xã TB, huyện H Q, tỉnh Bình Phước.

*Người bị kiện:*

Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước;

*Người đại diện của người bị kiện (văn bản ủy quyền ghi ngày 26/08/2020):*

Ông Lê Xuân C, sinh năm 1975, là Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước (có mặt);

Địa chỉ: 27 Hùng Vương, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

*Người kháng cáo:*

Ông Nguyễn Công N, là người khởi kiện.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện là ông Nguyễn Công N, trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:*

Ông Nguyễn Công N (ông N) là quân nhân, nhập ngũ vào ngày 28/02/1967 (thuộc D21 Sư đoàn 500), đến ngày 28/02/1976 thì xuất ngũ theo quyết định số 558/QĐ ngày 28/02/1976 của Thủ trưởng Sư đoàn 500.

Sau khi xuất ngũ, ông N ở lại miền Nam lập nghiệp. Từ tháng 03/1976, ông N là công nhân nông trường Thanh Bình, công ty cao su Bình Long, tỉnh Sông Bé. Đến tháng 09/1991, ông N nghỉ mất sức lao động (mất 61% khả năng lao động theo giấy chứng nhận trợ cấp mất sức lao động số 428001 ngày 21/08/1991); thời gian làm việc là 15 năm 06 tháng.

Ông N được hưởng trợ cấp mất sức lao động, thời gian được tính, vừa là quân nhân và vừa là công nhân, là 23 năm 05 tháng. Theo quyết định ngày 17/08/1991 của công ty cao su Bình Long, cộng quy đổi thời gian ông N hoạt động trong kháng chiến (chống Mỹ) ở vùng chiến trường B, C, K, thì tổng thời gian công tác được tính là 26 năm 10 tháng.

Vào ngày 28/11/2018, ông N gửi đơn đến Giám đốc Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Bình Phước để xin điều chỉnh sang lương hưu trí. Tại quyết định số 02/QĐ-BHXH ngày 08/11/2019 về việc điều chỉnh chế độ mất sức lao động (quyết định 02/QĐ-BHXH), Giám đốc BHXH tỉnh Bình Phước điều chỉnh chế độ hưởng mất sức lao động đối với ông N, từ 41% lên 52% kể từ ngày 01/10/2019 .

Không đồng ý với quyết định số 02/QĐ-BHXH, vào ngày 18/03/2020 ông N khiếu nại, yêu cầu Giám đốc BHXH tỉnh Bình Phước xem xét lại việc điều chỉnh chế độ đối với ông N. Tại quyết định giải quyết đơn khiếu nại số 146/QĐ-BHXH ngày 24/04/2020 (quyết định 146), Giám đốc BHXH tỉnh Bình Phước không chấp nhận khiếu nại của ông N.

Vào ngày 15/05/2020, ông N khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 146/QĐ-BHXH ngày 24/04/2020 của Giám đốc BHXH tỉnh Bình Phước vì cho rằng BHXH tỉnh Bình Phước giải quyết chế độ hưởng mất sức lao động

và giải quyết khiếu nại nói trên, là không đúng.

*Người bị kiện là Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước trình bày ý kiến về việc khởi kiện của ông Nguyễn Công N, như sau:*

Ông Nguyễn Công N được Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (Sở LĐ-TB&XH) tỉnh Sông Bé (tên cũ) giải quyết cho hưởng trợ cấp mất sức lao động từ ngày 01/09/1991, tỷ lệ hưởng mất sức lao động (MSLĐ) là 52%, tương ứng với thời gian công tác đã được quy đổi là 26 năm 10 tháng theo phiếu chứng nhận lương hưu và trợ cấp mất sức số 428001 ngày 25/10/1991.

Vào ngày 15/12/1991, Sở LĐ-TB&XH tỉnh Sông Bé (căn cứ Điều 14 Nghị định 236/HĐBT ngày 18/09/1985) ban hành phiếu điều chỉnh trợ cấp MSLĐ của ông N, tỷ lệ hưởng từ 52% đổi thành 41%, tương ứng với thời gian công tác là 15 năm 06 tháng.

Vào ngày 03/12/2018, BHXH tỉnh Bình Phước nhận được đơn kiến nghị của ông N xin điều chỉnh chế độ bảo hiểm xã hội, từ chế độ MSLĐ chuyển sang chế độ hưu trí. Sau khi xem xét hồ sơ MSLĐ của ông N, BHXH tỉnh Bình Phước nhận thấy thời gian công tác để tính chế độ MSLĐ cho ông N chỉ tính thời gian làm việc tại công ty cao su Bình Long (từ tháng 03/1976 đến tháng 09/1991), riêng thời gian trong quân đội từ tháng 02/1968 đến tháng 12/1975 tại Tiểu đoàn 68, Sư đoàn 500, thì chưa được tính.

Quyết định số 595/TTg ngày 15/12/1993 về chế độ của quân nhân, công an nhân dân khi xuất ngũ, có quy định rằng thời gian quân ngũ được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho ông N, ngày 07/01/2019 BHXH tỉnh Bình Phước có công văn số 10/BHXH-CĐBHXH gửi Sở LĐ-TB&XH tỉnh Bình Phước đề nghị xem xét cộng nối thời gian quân ngũ cho ông N theo quy định.

Vào ngày 14/10/2019, Sở LĐ-TB&XH tỉnh Bình Phước có công văn số 2020/SLĐTBXH-LĐVL hỏi ý kiến Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Phước về việc xem xét, chấp thuận cộng nối thời gian công tác trong quân đội cho ông N. Ngày 21/10/2019, UBND tỉnh Bình Phước có công văn số 3077/UBND-KGVX, đồng ý cộng nối thời gian công tác trong quân đội, từ tháng 02/1968 đến tháng 12/1975 cho ông N. Tiếp theo đó, vào ngày 30/10/2019, UBND tỉnh Bình Phước có công văn số 3199/UBND-KGVX về việc điều chỉnh công văn số 3077/UBND-KGVX, xác định thời điểm hưởng mức điều chỉnh tỷ lệ MSLĐ cho ông N là tính từ tháng 10/2019.

Căn cứ công văn số 3077/UBND-KGVX, công văn số 3199/UBND-KGVX của UBND tỉnh Bình Phước nói trên; căn cứ quyết định số 595/TTg ngày 15/12/1993 về chế độ đối với quân nhân, công an nhân dân khi xuất ngũ; thông tư số 08/TT-LB ngày 25/08/1986 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Quốc phòng về việc giải thích và hướng dẫn bổ sung một số điểm và thực hiện Nghị định số 236/HĐBT ngày 18/09/1985 của Hội đồng Bộ trưởng, thì tổng thời gian công tác của ông N, sau khi được cộng nối thêm thời gian công tác trong quân đội (từ tháng 02/1968 đến tháng 12/1975), được quy đổi thành 26 năm 10 tháng, tương ứng với tỷ lệ hưởng mất sức lao động là 52%.

Vì vậy, vào ngày 08/11/2019 BHXH tỉnh Bình Phước đã ban hành quyết định số 02/QĐ-BHXH điều chỉnh chế độ MSLĐ của ông Nguyễn Công N, từ tỷ lệ hưởng 41% thành 52%, nhưng xác định thời điểm điều chỉnh kể từ tháng 10/2019.

Sau đó, vào ngày 18/03/2020, ông N có đơn khiếu nại quyết định số 02/QĐ-BHXH. Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 146/QĐ-BHXH ngày 24/04/2020, Giám đốc BHXH tỉnh Bình Phước đã bác đơn khiếu nại của ông N.

BHXH tỉnh Bình Phước cho rằng đã thực hiện việc điều chỉnh chế độ MSLĐ cho ông N đúng theo quy định của Nhà nước; tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại của ông N theo đúng trình tự, quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Luật Khiếu nại, Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ (quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh); Quyết định số 378/QĐ-BHXH ngày 11/03/2020 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam (ban hành quy định về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hiện hành. Vì vậy, BHXH tỉnh Bình Phước đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 146/QĐ-BHXH ngày 24/04/2020.

*Tại bản án hành chính sơ thẩm số 13/2020/HC-ST ngày 03/09/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử như sau:*

-Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Khoản 3 Điều 32; Điểm a Khoản 2 Điều 116; Điểm a Khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; các Điều 9, 20, 27, 28, 29, 30, 31, 33 của Luật Khiếu nại năm 2011; Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Điều 1, Điều 14 Nghị định số 236/HĐBT ngày 18/09/1985 của Hội đồng Bộ trưởng về bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách thương binh và xã hội; Điểm a Khoản 1 Thông tư số 08/TT-LB ngày 25/8/1986 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Quốc phòng về việc giải thích và hướng dẫn bổ sung một số điểm về thực hiện Nghị định số 236; Điều 16, Điều 17 Quyết định số 868/QĐ-BHXH ngày 08/06/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính;

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công N về việc đòi hủy bỏ quyết định số 146/QĐ-BHXH ngày 24/04/2020 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước (về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Công N đối với quyết định số 02/QĐ-BHXH ngày 08/11/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh chế độ mất sức lao động đối với ông Nguyễn Công N).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Vào ngày 17/09/2020, ông Nguyễn Công N có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự trình bày ý kiến như sau:

-Người kháng cáo là ông Nguyễn Công N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đương sự;

-Người bị kiện là Giám đốc BHXH tỉnh Bình Phước, do ông Lê Xuân Cao làm đại diện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng:

Tòa án và các đương sự thực hiện đúng thủ tục tố tụng;

-Về nội dung giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Công N có thời gian công tác, đã được quy đổi theo luật định, là 26 năm 10 tháng, hưởng chế độ mất sức với tỷ lệ là 52%. Tuy nhiên, khi

nghi việc (do mất sức lao động) vào ngày 01/09/1991 thì ông Nguyễn Công N chưa đủ 60 tuổi.

Theo Nghị định số 236-HĐBT ngày 18/09/1985 của Hội đồng Bộ trưởng về bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách về thương binh và xã hội, thì điều kiện để được hưởng chế độ mất sức lao động 52% nói trên là khi nghỉ việc, ông Nguyễn Công N phải đủ 60 (nếu là quân nhân, thì phải đủ 55 tuổi).

Như vậy, khi nghỉ việc vào tháng 09/1991, ông Nguyễn Công N chưa đủ 60 tuổi (ông Nguyễn Công N sinh năm 1946). Do đó, ông Nguyễn Công N không được hưởng tỷ lệ mất sức 52% tính từ năm 1991 trở đi.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công N đòi hủy bỏ quyết định số 146/QĐ-BHXH ngày 24/04/2020 của Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh Bình Phước, là đúng pháp luật; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Nguyễn Công N được Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (Sở LĐ-TB&XH) tỉnh Sông Bé (tên cũ) giải quyết cho hưởng trợ cấp mất sức lao động kể từ ngày 01/09/1991 trở đi, tỷ lệ hưởng mất sức lao động (MSLĐ) là 52%, tương ứng với thời gian công tác (đã được quy đổi theo quy định) là 26 năm 10 tháng theo phiếu chứng nhận lương hưu và trợ cấp mất sức số 428001 ngày 25/10/1991.

[2] Tuy nhiên, sau đó, vào ngày 15/12/1991, Sở LĐ-TB&XH tỉnh Sông Bé lại ban hành phiếu điều chỉnh trợ cấp MSLĐ của ông Nguyễn Công N, điều chỉnh tỷ lệ hưởng trợ cấp MSLĐ từ 52% đổi thành 41%, tương ứng với thời gian công tác là 15 năm 06 tháng.

Việc làm nói trên của Sở LĐ-TB&XH tỉnh Sông Bé là không đúng vì cơ quan này không tính (chưa cộng nối) thời gian trong quân ngũ của ông Nguyễn Công N, (từ tháng 02/1968 đến tháng 12/1975 tại Tiểu đoàn 68, Sư đoàn 500), vào thời đương sự làm công nhân công ty cao su Bình Long.

[3] Vì vậy, sau khi tiếp nhận đơn kiến nghị của ông Nguyễn Công N và để bảo đảm quyền lợi cho ông Nguyễn Công N, vào ngày 07/01/2019, BHXH tỉnh Bình Phước ra văn bản số 10/BHXH-CĐBHXH, gửi Sở LĐ-TB&XH tỉnh Bình Phước, đề nghị xem xét cộng nối thời gian quân ngũ cho đương sự theo quy định.

Vào ngày 14/10/2019, Sở LĐ-TB&XH tỉnh Bình Phước ra văn bản số 2020/SLĐTĐBXH-LĐVL hỏi ý kiến UBND tỉnh Bình Phước về việc xem xét, chấp thuận cộng nổi thời gian công tác trong quân đội cho ông Nguyễn Công N.

Đến ngày 21/10/2019, UBND tỉnh Bình Phước có công văn số 3077/UBND-KGVX, chấp thuận cộng nổi thời gian công tác trong quân đội, từ tháng 02/1968 đến tháng 12/1975, cho ông Nguyễn Công N. Tiếp sau đó, vào ngày 30/10/2019, UBND tỉnh Bình Phước có công văn số 3199/UBND-KGVX về việc điều chỉnh công văn số 3077/UBND-KGVX, xác định thời điểm hưởng mức điều chỉnh tỷ lệ MSLĐ cho ông Nguyễn Công N là tính từ tháng 10/2019.

Sau đó, vào ngày 08/11/2019 BHXH tỉnh Bình Phước đã ban hành quyết định số 02/QĐ-BHXH điều chỉnh chế độ MSLĐ của ông Nguyễn Công N, từ tỷ lệ hưởng 41% thành 52%, nhưng thời điểm điều chỉnh được tính kể từ ngày 01/10/2019 trở đi.

[4]Xét thấy việc giải quyết của Giám đốc BHXH tỉnh Bình Phước tại quyết định số 02/QĐ-BHXH ngày 08/11/2019 là chưa đúng, lý do như sau:

Điều 2 Quyết định 595/TTg ngày 15/12/1993 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công an nhân dân khi xuất ngũ (có hiệu lực kể từ ngày ký) quy định như sau:

*“Điều 2. Quân nhân, công an nhân dân chuyển sang làm việc tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước, Đảng, đoàn thể thì hưởng lương theo công việc đảm nhiệm và không hưởng các khoản trợ cấp nói tại Điều 1. Thời gian công tác liên tục của quân nhân, công an nhân dân trước khi xuất ngũ được coi là thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội”.*

Như vậy, ít nhất là kể từ ngày 15/12/1993 (ngày mà Quyết định 595/TTg có hiệu lực), thời gian trong quân ngũ của ông Nguyễn Công N (từ tháng 02/1968 đến tháng 12/1975 tại Tiểu đoàn 68, Sư đoàn 500), phải được tính (cộng nổi) vào thời gian đương sự làm công nhân công ty cao su Bình Long và đương nhiên, ông Nguyễn Công N được hưởng chế độ MSLĐ với tỷ lệ là 52%.

[5]Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện của Giám đốc BHXH tỉnh Bình Phước cũng thừa nhận như sau: về mặt lý thuyết, ông Nguyễn Công N có thể sẽ được hưởng chế độ MSLĐ với tỷ lệ là 52% từ năm 1993. Tuy nhiên, sở dĩ BHXH tỉnh Bình Phước chỉ tính cho ông Nguyễn Công N kể từ ngày 01/10/2019 (với tỷ lệ 52%) là vì hồ sơ của ông Nguyễn Công N không đầy đủ

(BHXH tỉnh Bình Phước đã yêu cầu nhưng ông Nguyễn Công N không bổ sung đủ tài liệu để hoàn tất hồ sơ BHXH).

Xét thấy lập luận nói trên của người đại diện của Giám đốc BHXH tỉnh Bình Phước, là không đúng, lý do như sau:

-Các tài liệu về thời gian trong quân ngũ, về thời gian làm công nhân công ty cao su Bình Long.....của ông Nguyễn Công N đều đã có sẵn và thể hiện rất rõ ràng. Sự vướng mắc ở đây không phải là hồ sơ BHXH của ông Nguyễn Công N không hoàn chỉnh thủ tục (hành chính), mà ở việc BHXH tỉnh Bình Phước vận dụng văn bản pháp luật (đối với trường hợp của ông Nguyễn Công N) không đúng và không linh hoạt;

-Ông Nguyễn Công N là quân nhân, tham gia chiến tranh (chống Mỹ), là người phải nhận được sự ưu tiên, so với những người khác, khi BHXH giải quyết chế độ cho họ. Điều này là chính sách chung của Nhà nước đối với quân nhân, công an nhân dân, khi xuất ngũ.

Trong quá trình BHXH tỉnh Bình Phước giải quyết về trường hợp của ông Nguyễn Công N, mặc dù chính đương sự đã viết bản cam kết ghi ngày 27/09/2019, trong đó có nội dung như sau: “...*đồng ý và cam kết chế độ của tôi được hưởng từ tháng 10/2019 và tôi sẽ không có thắc mắc và khiếu nại gì về sau...*”. Nhưng bản cam kết này phải được hiểu rằng các chế độ đãi ngộ mà Nhà nước áp dụng cho ông Nguyễn Công N, phải bảo đảm là đúng theo quy định của pháp luật, chứ không phải là sự áp dụng sai pháp luật, như đã phân tích.

[6]Như vậy, xét về nội dung, thì quyết định số 146/QĐ-BHXH ngày 24/04/2020 và quyết định số 02/QĐ-BHXH ngày 08/11/2019 của Giám đốc BHXH tỉnh Bình Phước, đều không đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 6 của Luật tổ tụng Hành chính năm 2015 về việc xem xét, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan trong vụ án hành chính, quy định như sau:

*“1. Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án có quyền xem xét về tính hợp pháp của văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện và kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại văn bản hành chính, hành vi hành chính đó và trả lời kết quả cho Tòa án theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”.*

Điều 193 của Luật tổ tụng Hành chính về thẩm quyền của Hội đồng xét



xử quy định như sau:

*“1.Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri bị khởi kiện, quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.*

*2.Hội đồng xét xử có quyền quyết định:*

*a)Bác yêu cầu khởi kiện, nếu yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật;*

*b)Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có); buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; đồng thời kiến nghị cách thức xử lý đối với quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy;*

*c)Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên bố hành vi hành chính là trái pháp luật, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có); buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật”.*

Điều luật viện dẫn nói trên ràng buộc Tòa án rằng, khi xem xét những quyết định hành chính bị kiện, thì đồng thời phải xem xét những quyết định hành chính khác, tuy không bị kiện, nhưng có liên quan.

Trong vụ án này, về bản chất, quyết định hành chính ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông Nguyễn Công N, là quyết định số 02/QĐ-BHXH ngày 08/11/2019 và quyết định này chính là quyết định liên quan trực tiếp đến quyết định số 146/QĐ-BHXH ngày 24/04/2020 (quyết định bị kiện).

Nhưng khi xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công N, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét, giải quyết về quyết định 146/QĐ-BHXH ngày 24/04/2020 mà không xem xét, giải quyết về quyết định số 02/QĐ-BHXH ngày 08/11/2019. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không thể sửa bản án sơ thẩm, cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 203; Điều 220; Điều 241 của Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;*

1/Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Công N.

Hủy bản án sơ thẩm số 13/2020/HC-ST ngày 03/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/Về án phí phúc thẩm: đương sự không phải chịu (ông Nguyễn Công N được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm-thông báo số 30/TB-TA ngày 21/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Tùng**